

MÁY VẤN ĐỀ VỀ QUAN HỆ THÂN TỘC Ở NÔNG THÔN

TRỊNH THỊ QUANG

Đã có một thời kỳ trong lịch sử nông thôn nước ta, thân tộc là hạt nhân của nhiều quan hệ xã hội khác.

Từ khi quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ra đời, quan hệ thân tộc đã mất vai trò chủ đạo của nó và biến đổi trong một khung cảnh xã hội mới.

Trong sự biến đổi đó có cái đã mất đi, có cái đang tồn tại và tiếp tục phát huy tác dụng. Nghiên cứu quan hệ thân tộc ở nông thôn, xã hội học góp phần khắc phục những trở ngại và sử dụng những điều còn khả năng thúc đẩy sự phát triển của nông thôn.

Tìm hiểu sự biến đổi của quan hệ này, trong điều kiện nông thôn Việt Nam trên đường đi lên chủ nghĩa xã hội là một vấn đề mà nhiều nhà xã hội học, sử học và dân tộc học cũng quan tâm tới.

Trong bài viết này, chúng tôi tạm coi thân tộc là một tổ chức xã hội vì những lý do sau:

- Trước hết, thân tộc là một hình thức đã được thể chế hóa, biểu hiện qua những tập quán, luật lệ.
- Thân tộc bao gồm một hệ thống địa vị xã hội, trong đó các cá nhân được sắp xếp và đảm nhận các vai trò tự nhiên dựa trên huyết thống.
- Sau cùng thân tộc đã có những chức năng xã hội nhất định đối với nhóm người cùng huyết thống: cộng đồng về mặt pháp lý, về kinh tế, về sinh sống, về đạo đức và tôn giáo.

Dựa vào những đặc điểm mang tính tổ chức của thân tộc, chúng tôi xét các mức độ khác nhau của sự biến dạng bốn chức năng trên.

1. Về chức năng cộng đồng pháp lý.

Nếu so sánh hai giai đoạn lịch sử, chúng ta thấy rõ là, thân tộc dưới thời phong kiến có một ví dụ khá quan trọng trước pháp luật. Từ bộ luật Hồng Đức đến bộ luật Gia Long, việc thừa nhận và duy trì quan hệ thân tộc đều nhằm phục vụ chế độ quân chủ chuyên chế. Ba trong mười tội “thập ác” được coi là nặng nhất thời Nguyễn đánh vào những người vi phạm quan hệ thân tộc (bất hiếu, bất hoà và loạn luân). Đó là chưa kể đến hàng trăm khoản mục khác nhau quy định ngặt nghèo về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và gia tộc.

Tổ chức thân tộc trong lịch sử còn có một tư cách pháp lý rõ ràng. Người trong cùng họ mà tố cáo lẫn nhau, đánh nhau hay tranh kiện, đều bị xử phạt nặng hơn người thường. Từng cá nhân cũng không được tự do định đoạt việc hôn nhân của mình. Điều

94 luật Gia Long, ghi rõ: “Trong một đám hôn lễ, người trưởng tộc có ưng thuận thì mới được”. Hơn thế nữa, thân tộc còn phải chịu trách nhiệm trước hành động của cá nhân và liên đới trách nhiệm trước pháp luật. Một phụ nữ chẳng may hoang thai, thì không những bị cô, dì, chú, bác phỉ nhổ mà dòng họ đó còn bị làng phạt vạ. Một người đánh “người trong hoàng tộc” (họ nhà vua) thì cả họ bị đày đi biệt xứ, có khi bị giết đến ba đời.

Pháp luật xã hội chủ nghĩa đã xóa bỏ sức mạnh đó của hệ thống thân tộc. Cùng những thôn xóm cư trú theo dòng họ xưa, nhưng quan hệ giữa người trong cùng họ và giữa các họ với nhau đã khác. Trước pháp luật, mọi người bình đẳng và tự do nói lên tiếng nói của mình.

Cũng chính vì thế, mỗi cá nhân đều phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Vấn đề liên đới trách nhiệm của thân tộc trở thành hết sức vô lí trong đời sống hiện nay. Mọi thành viên đến tuổi công dân trong họ tộc đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau trong xã hội. Kẻ có tội thì chịu tội, người có công thì được thưởng công.

Như vậy, có lý do để nói rằng, thân tộc đã giải thể khá triệt để ở chức năng cộng đồng pháp lí.

2. Về chức năng cộng đồng kinh tế.

Khi bàn về sự tồn tại của chức năng này trong thân tộc, chúng tôi chú ý đến chế độ kế thừa theo dòng họ và sở hữu tập thể dòng họ, ruộng họ và từ đường.

Thời phong kiến, ruộng đất là tài sản tư hữu chính của người nông dân, ruộng đất của vợ chồng đều nhằm truyền lại cho con cái. Nếu một trong hai người chết đi người kia chỉ được sử dụng phần ruộng đất ấy đến khi chết phải giao lại cho dòng họ người có ruộng. Gia sản được kế thừa theo nguyên tắc nội tộc. Cha mẹ chết đi để lại nhà cửa, trâu bò cho con trai trưởng hoặc cháu trai trưởng.

Chế độ kế thừa mất đi khi chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất bị thủ tiêu. Nguồn sống chủ yếu, cơ sở phúc lợi vật chất không nhất thiết phải dựa vào của cải được thừa hưởng nữa, mà dựa vào lao động của các thành viên trong gia tộc. Ruộng đất được dựa vào hợp tác xã nông nghiệp. Chế độ kế thừa ruộng đất cũng mất đi khi việc công hữu hóa ruộng đất hoàn thành.

Tuy nhiên nguyên tắc “nội tộc” trong chế độ kế thừa gia sản vẫn còn phổ biến ở nhiều dòng họ. Với quan niệm phải có người thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, người nông dân hiện nay vẫn coi trọng nguyên tắc cũ này. Thứ luật lệ này, dù hiện nay chỉ còn được duy trì trong dòng họ và cũng chỉ còn có sức mạnh, ở đây vẫn còn làm tái hiện trong cuộc sống những hiện trạng bất hợp lí: sau khi bố mẹ chết, ba cô gái của một gia đình tại Hà Bắc đã phải ra đi, để lại nhà cửa, đồ dùng cho người anh con bác ruột, mặc dù người này cũng đã có một dinh cơ cạnh đó. Trong vòng 30 năm qua, 16 trong khoảng hơn 400 gia đình ở thôn Lương Điền (xã Đông cơ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình) chỉ sinh con gái, đã nuôi con trai người khác cũng chỉ mong muốn có người “thừa tự”.

Quan niệm “nữ nhân ngoại tộc, bất nhập từ đường”, nam giới được quyền thừa tự vẫn có tác dụng đáng kể trong đời sống tinh thần của người nông thôn hiện nay.

Sau phong trào hợp tác hóa, ruộng đất công của các dòng họ (ruộng hương hỏa, ruộng họ, ao họ...) đều thuộc sở hữu hợp tác xã. Sở hữu tập thể của tổ chức thân tộc về cơ bản bị mất đi, chỉ còn lại từ đường. Cho nên thân tộc, với tư cách là một tổ

chức đảm nhận chức năng cộng đồng kinh tế cho nhóm người cùng huyết thống đã không có cơ sở để duy trì những dịp liên hoan mừng khao, ăn uống, chè chén, vốn được coi là quyền lợi của các thành viên. Từ đường, biểu tượng của tổ tiên linh thiêng và sáng suốt vẫn còn đó; Sự sùng bái tổ tiên vẫn ngự trị trí óc người nông dân. Những dịp cúng, lễ vẫn được duy trì. Mỗi kì giỗ chạp, thay cho những chi phí vật chất lấy từ ruộng họ, ao họ, các gia đình đóng góp những suất gạo, tiền như nhau. Có gia đình còn góp thêm những sản phẩm rau, đậu, thịt... Lệ “góp giỗ” phát sinh từ đó.

Đơn vị đóng góp là những gia đình nhỏ. Hiện nay, người ta vẫn coi sự đóng góp này là cần thiết và quan trọng. Tâm lí truyền thống đã tạo cho người dân Việt Nam ý thức tự nguyện tham gia công việc của tộc họ. Thờ cúng tổ tiên đã trở thành gần như một thứ tôn giáo phổ biến, 79% gia đình ở xã Tam Sơn (huyện Tiên Sơn, Hà Bắc) có bàn thờ tổ tiên và cúng tại nhà. Đó là chưa kể tới số gia đình trẻ mới tách gia đình lớn ra ở riêng, chưa kịp lập bàn thờ tại nhà.

Để gắn bó chặt chẽ hơn nữa quan hệ giữa tổ tiên và con cháu, từ xa xưa, người ta đã lưu tâm tới việc bốc mộ, cải táng cho người trong họ. Lệ ấy đến nay vẫn được duy trì, mặc dù đã đơn giản hơn về hình thức. Vùng Tiên Hải (Thái Bình) nhiều dòng tộc vẫn cử người tìm về quê gốc (vùng Tức Mặc, Hà Nam Ninh) nơi tổ tiên họ đã ra đi cách đây 200 năm để sửa sang từ đường, cải táng mộ tổ.

Việc ghi chép và bổ sung gia phả dòng tộc cũng như những cuộc hành hương tìm nhận các nhánh họ hàng vẫn được nhiều người coi trọng và ủng hộ. Để dễ dàng lưu truyền cho con cháu về gốc gác tổ tiên, nhiều nơi đã tổ chức dịch gia phả từ chữ Hán cổ ra chữ quốc ngữ và ghi chép, sao bản thêm những cuốn phả hộ, phả kí của họ mình. Các công việc trên được tiến hành một cách hào hứng dưới sự tổ chức của người tộc trưởng tại nhiều nơi thuộc vùng Hải Hậu (Hà Nam Ninh) và Tiên Hải (Thái Bình). Ví dụ, năm 1983, Họ Trần ở xã Hải Phúc có gồm 100 gia đình, đã tự nguyện góp mỗi nhà 100 đồng để sửa lại nhà thờ tộc bị bão làm hỏng và dịch cuốn phả kí gồm 500 trang chữ nho ra chữ quốc ngữ. Cùng năm đó, vào dịp giỗ tổ, ngày 25 tháng 2 âm lịch, có 3 nhánh họ ở Hải Hưng, Hải Phòng đã về đây nhận “họ”.

Tóm lại, từ những giác độ khác nhau, ta thấy rằng, chức năng cộng đồng kinh tế của thân tộc về cơ bản không còn nữa. Những hoạt động để duy trì chức năng này chỉ là những đóng góp vật chất dưới hình thức tự nguyện của các gia đình nhỏ.

3. Về chức năng cộng đồng sinh sống đạo đức và tôn giáo.

Thân tộc có còn là một cộng đồng sinh sống của nhóm người cùng huyết thống nữa không? Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi lưu ý đến sự giúp đỡ lẫn nhau.

Có thể nói lịch sử của những dòng họ là lịch sử một quá trình tự cư sinh sống của nhóm người có môi liên hệ đặc biệt, có những sinh hoạt và tình cảm cộng đồng. Nhu cầu giúp đỡ của gia đình cá nhân, tộc họ phát sinh và tồn tại lâu bền trong cuộc sống phức tạp và đầy mâu thuẫn của xã hội phong kiến.

Cho đến nay, truyền thống ấy vẫn còn lại khá vững chắc, mặc dù bản chất của vấn đề đã khác trước. Đó là sự giúp đỡ của những người tuy thứ bậc trong quan hệ dòng máu có khác nhau, nhưng lại có tư cách pháp lí ngang nhau. Mọi người đều sống bằng lao động của chính mình và bình đẳng trước pháp luật.

Thiên nhiên Việt Nam không phải lúc nào cũng thuận hòa. Người nông dân trong điều kiện thăng trầm của sản xuất khi sức sản xuất chưa phát triển, không phải không gặp khi mùa màng thất bát. Lúc đó, người ta tạm thời vay nợ; san sẻ với anh ta lúc đó là những chú bác, cô dì, anh em họ hàng... Ở nông thôn, do đặc điểm cư trú theo dòng họ và kết hôn gần nên phần lớn láng giềng và người thân quen lại là người bà con cùng họ tộc. Tại xã Đông Dương (huyện Đông Hưng Tỉnh Thái Bình), khi gặp khó khăn 96% gia đình đã vay tiền và 92% gia đình vay thóc của những người thân quen (¹).

Hiện nay ở nông thôn, tỉ lệ gia đình nhỏ hai thế hệ khá cao. Vì vậy, thật đáng trách nếu chúng ta không tìm hiểu sự giúp đỡ của gia đình mở rộng nói riêng và gia tộc nói chung đối với kiểu gia đình này.

Giúp đỡ gia đình nhỏ này thường là bố mẹ, anh chị em ruột và họ hàng nội ngoại của vợ và chồng. Con số rút ra từ một cuộc điều tra xã hội học cho thấy, 72,2% trong tổng số 1543 gia đình trong mẫu nhận được sự giúp đỡ. Trong số đó, 82% nhận được tiền và gạo. Những lúc gia đình có công việc lớn như làm nhà, cưới xin, ma chay là lúc phải huy động đến mức đáng kể những thu nhập của kinh tế gia đình. Vì vậy, sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau đã trở thành một quy chế tự nguyện của thân tộc.

Bên cạnh những tương trợ thiết thực đó, thân tộc còn có sự kiểm tra xã hội đối với hành vi của từng người trong mối quan hệ cá nhân - gia đình - tộc họ.

Theo nhà nghiên cứu nhân học Levi Strauss, họ hàng là một hệ thống danh pháp đồng thời cũng là một hệ thống thái độ. Ở ta, hệ thống thái độ gồm có: những thái độ đã trở thành tâm lí và những thái độ đã được quy định, phê chuẩn qua các điều cấm kị và lễ nghi cố định. Đây chính là những quy định không thành văn, nhưng bám rất chắc vào đầu người nông dân. Đó là những lễ thói, phong tục tập quán của từng địa phương, từng tộc họ. Những hành vi của cá nhân trong họ đều được kiểm tra qua việc quy chiếu vào những điểm này. Những hành vi đạo đức, nhất là thuộc lĩnh vực hôn nhân thường được xem xét cẩn thận hơn.

Bằng phương pháp hỏi trực tiếp, chúng tôi được biết cho đến nay, những quy định về hôn nhân của người cùng tộc họ vẫn còn có tác dụng. Thông qua các cụ già, những hành động đi ngược đạo đức gia tộc và hậu quả của nó vẫn được nhắc nhở để răn dạy thế hệ trẻ ở một làng thuộc huyện Tiền Hải (Thái Bình) câu chuyện em rể chết vợ, chị dâu chết chồng lấy nhau ở họ Vũ, hay chuyện cháu bá cháu dì (3 đời về bên họ ngoại) lấy nhau làm "lụn bại" cả họ Đỗ vẫn còn được kể lại rành rọt, mặc dù việc đã xảy ra cách đây 30 năm về trước. Năm 1981, hai người họ Nguyễn ở xã Hải Thanh (huyện Hải Hậu, Tỉnh Hà Nam Ninh) cách nhau 5 đời bên nội định kết hôn nhưng rồi phải thôi vì bị cả họ phản đối và đòi đuổi ra khỏi gia tộc.

Như vậy, những quy phạm hôn nhân gia tộc vẫn đang hoạt động và phần nào kiểm tra hành vi hôn nhân của cá nhân trong một họ. Đến nay, những hủ tục như nạp cheo, phạt vạ làng đã hết, nhưng sự kiểm tra xã hội thường xuyên của người trong họ ngoài làng vẫn quy định một phần đáng kể những hành vi đạo đức của từng người dân nông thôn. Vì lẽ đó, chúng ta có thể thấy được mức độ tồn tại của tổ chức thân tộc với chức năng cộng đồng đạo đức.

¹ Số liệu điều tra của Viện Xã hội học tháng 8/1983. Từ đây những số liệu trong bài này đều rút ra từ các cuộc nghiên cứu của Viện Xã hội học năm 1982 và 1983.

Bên cạnh đó, chức năng cộng đồng tôn giáo cũng được duy trì qua hoạt động góp giỗ.

Hàng năm trước ngày giỗ tổ, các gia đình họp họ bàn chuyện góp giỗ. Phần đóng góp được đem đến nhà trưởng tộc vì cuộc liên hoan sau khi cúng tế ở nhà thờ họ sẽ được tiến hành tại đó. Tại xã Đông Cơ (Tiền Hải, Thái Bình), 52,5% gia đình được hỏi góp giỗ với nhà trưởng và 28,6% người giỗ ở nhà vì là trưởng. Số người giỗ riêng ở nhà rất ít (18,7%).

Tiêu chuẩn tiền và gạo mà mỗi gia đình phải góp sẽ do tộc trưởng đứng ra quyết định ở cuối buổi họp họ. Lượng đóng góp cũng thay đổi nhiều hơn hay ít đi tùy thuộc vào năm được hay mất mùa (xem bảng).

Bảng thống kê số lượng góp giỗ của một số họ lớn ở thôn Lương điền, xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình năm 1982⁽¹⁾.

Tên dòng họ	Số gia đình trong họ	Giỗ họ nội		Giỗ họ ngoại	
		Số lần giỗ trong năm	Phần đóng góp	Số lần giỗ trong năm	Phần đóng góp
Trần (ô. Doanh)	50	16	30đ + 0,5kg gạo	2	15đ
Trần (ô. Danh)	50	30	40đ	15	15đ
Nguyễn (Cụ Di)	46	13	50đ + 0,5kg gạo	2	Hương vòng, trăm can
Nguyễn(Cụ Mại)	40	25	50đ + 0,5kg gạo	6	20đ
Vũ	30	18	30đ + 0,5kg gạo	12	Hương vàng

Chỉ nhìn vào bảng thống kê trên, chúng ta cũng đủ thấy khối lượng chi phí cho cúng giỗ của một gia đình nông dân lớn biết chừng nào. Trong khi đó, một tỉ lệ đáng kể gia đình không chi tiêu cho những nhu cầu văn hóa. Ví dụ: 42% những người có con đến tuổi tới trường không mua sách giáo khoa phổ thông. Chỉ có 11,3% người được hỏi đầu tư cho con học thêm và 7% người mua các loại sách kĩ thuật nông nghiệp. Sự chênh lệch đó rõ ràng là điều đáng lưu tâm đối với những người làm công tác văn hóa ở nông thôn.

Những nhận xét trên đây cho phép ta hình dung được sức mạnh của tổ chức thân tộc trong tâm linh của người nông dân. Rõ ràng nếu như chức năng cộng đồng pháp lí và kinh tế của thân tộc đã bị thủ tiêu về cơ bản, thì chức năng cộng đồng sinh sống đạo đức và tôn giáo vẫn sống một cách dẻo dai, dưới nhiều dạng thức khác nhau. Sự tồn tại của những chức năng này, dù ở mức độ nào đó, phải chăng là nguyên nhân quyết định sức sống khá bền vững của quy chế thân tộc ở nông thôn ta hiện nay?

4. Sự tiếp tục quy chế thân tộc trong đời sống các gia đình đơn.

Như đã nói ở trên, hiện nay ở nông thôn, gia đình đơn hai thế hệ ở nông thôn chiếm tỉ lệ khá cao. Gia đình đơn cũng là hạt nhân của mối quan hệ thân tộc. Những hoạt động của thân tộc thông qua hình thái gia đình này là biểu hiện sự tiếp tục những quy chế thân tộc. Nghiên cứu khía cạnh này, chúng tôi đặt cá nhân trong tổng hòa các mối quan hệ.

¹ Tài liệu phỏng vấn trực tiếp của Trịnh Thị Quang, Viện Xã hội học tháng 8, 9 năm 1983 tại tỉnh Thái Bình.

Ở đây, cá nhân là trung tâm của mối quan hệ. Trong gia đình đơn, đó là địa vị của người cha, người chồng và người vợ, người phụ nữ. Trong thân tộc, đó là vai trò của người gia trưởng, người tộc trưởng. Nhưng cá nhân này cũng bị chi phối bởi những nguyên tắc khá vững bền của thân tộc, trải qua nhiều biến động của cuộc sống làng xã. Chế độ phụ hệ gia trưởng là biểu hiện rõ nét nhất.

Ở nhiều vùng, người nông dân vẫn áp dụng chế độ này đối với con họ, ngay cả đối với những người con đã thoát li ra khỏi nông thôn. Có người xây dựng cơ ngơi yên ổn tại thành phố, với ý định cư ở đó, thì bố mẹ vẫn để dành cho họ một cơ ngơi lớn ở quê hương. Vì vậy, đôi khi ta gặp trường hợp người con vẫn phải sống ở cả hai nơi. Đối với người con trưởng này, nhiệm vụ của anh ta là thờ cúng tổ tiên và bố mẹ khi qua đời con trai thứ và con gái chỉ là người thờ vọng hay góp giỗ.

Đặc điểm kết hôn gần của người nông thôn tạo cho các gia đình đơn một vị trí cư trú gần gũi với họ hàng hai bên nội, ngoại. Vì vậy, gia đình đơn thường được họ hàng cả hai bên giúp đỡ. Từ lúc cưới cho đến khi trở thành một gia đình nhỏ, theo phong tục nhiều địa phương, đôi vợ chồng trẻ thường được họ hàng bên nội giúp đỡ nhiều hơn. Vài con số cho thấy điều đó: 62,4% chi phí cưới họ nhà trai chịu, 67,1% tài sản sau khi cưới là do bố mẹ chồng chu cấp³).

Việc đóng góp cho các kì giỗ chạp cũng có sự khác nhau. Nhìn vào bảng thống kê góp giỗ, ta thấy một gia đình chi phí cho giỗ họ nội bao giờ cũng cao, hơn hẳn họ ngoại cả về số lượng ngày giỗ và mức đóng góp trong một lần giỗ. Sự phân biệt nội, ngoại, trong quan hệ họ hàng nói trên là biểu hiện của sức tồn tại dai dẳng tâm lí phân biệt thân sơ dựa trên cơ sở huyết thống đã hình thành từ lâu trong lịch sử.

Đến nay, cơ sở kinh tế và pháp lý, điều kiện tồn tại cơ bản nhất của thân tộc không còn nữa. Tuy vậy, nhiều chức năng còn lại của nó (cộng đồng sinh sống đạo đức và tôn giáo) vẫn tiếp tục hoạt động dưới một số hình thức nhất định.

Tư tưởng thân tộc ra đời từ lâu và có tác động hai mặt trong nông thôn. Một mặt, nó góp phần đoàn kết những người trong đại gia tộc, tương trợ nhau về kinh tế nhắc nhau tôn trọng danh dự dòng họ. Tuy nhiên, tư tưởng này cũng bộc lộ những mặt tiêu cực. Những người trong thân tộc cũng có lúc bao che nhau, kết bè cánh, gây xích mích giữa dòng họ này và dòng họ khác.

Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, quan hệ mới được xây dựng trên cơ sở những người công lao động lấy lợi ích chung của tập thể, của hợp tác xã làm điều kiện sinh sống và hoạt động thì tư tưởng thân tộc đã cản trở người nông dân vươn tới những tư tưởng lớn của thời đại. Tình cảm giai cấp, dân tộc thu hẹp vào những lĩnh vực nhỏ nhất của gia đình.

Ngày nay, bậc thang giá trị của xã hội đã thay đổi. Vinh dự của mỗi người là ở sự đóng góp của người đó với tập thể và xã hội thì quan hệ thân tộc nhất định phải đặt xuống hàng thứ yếu. Tác dụng còn lại của nó chỉ nên phát huy ở mặt những người trong thân tộc đoàn kết nhắc nhở nhau làm tròn nghĩa vụ của người công dân trong tập thể rộng lớn của làng xã và tổ quốc. Như vậy, chúng ta mới sử dụng hợp lý những ảnh hưởng còn lại của nó vào việc củng cố chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở nông thôn hiện nay.

³ Trong số mẫu được hỏi nói trên, một tỉ lệ không đáng kể là gia đình kết hôn dưới chế độ cũ (Điều tra của Viện Xã hội học tại tỉnh Vĩnh phú tháng 4 năm 1982).